

Số: /BC- UBND

Thanh Định, ngày tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2025
Phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025**

Kính gửi:

- UBND huyện Định Hoá;
- Phòng Nội vụ huyện Định Hoá;

Thực hiện Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2025 của UBND xã về cải cách hành chính xã Thanh Định năm 2025; thực hiện báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2025 theo quy định;

Ủy ban nhân dân xã Thanh Định báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2025, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Xây dựng triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính

- Việc lãnh đạo của cấp ủy Đảng cơ quan đối với công tác cải cách hành chính: Căn cứ Nghị quyết số 104-NQ/ĐU ngày 06/01/2025 của Đảng uỷ xã về lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác Cải cách hành chính năm 2025; UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2025 về công tác cải cách hành chính năm 2025; Kế hoạch đề ra 5 nhiệm vụ thực hiện trong năm 2025, đến nay thực hiện được 04/5 nhiệm vụ đạt 66,6%.

- Việc xây dựng, ban hành các văn bản CCHC: Để thực hiện tốt công tác cải cách hành chính năm 2025 UBND xã Thanh Định đã ban hành hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2025 về công tác cải cách hành chính năm 2025; Kế hoạch số 13/KH-UBND, ngày 15/01/2025 về tuyên truyền CCHC xã Thanh Định năm 2025; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 13/01/2025 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước xã Thanh Định năm 2025; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 08/01/2025 về việc kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn xã năm 2025; Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 31/01/2025 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 trên địa bàn xã Thanh Định.

2. Công tác kiểm tra cải cách hành chính

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 31/01/2025 về tự kiểm tra công tác CCHC năm 2025; Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 03/02/2025 về thành lập tổ kiểm tra công tác CCHC xã Thanh Định; Thông báo số 29/TB-TKT ngày

31/03/2025 về lịch tự kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2025; Báo cáo số 59/BC-UBND ngày 21/4/2025 về kết quả tự kiểm tra công tác cải cách hành chính; công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; công tác thi đua khen thưởng năm 2025..

3. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng, bằng nhiều hình thức đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện, của Đảng ủy, UBND xã về công tác CCHC. Trong 6 tháng đầu năm, UBND xã đã thực hiện tốt việc quản lý, vận hành Trang thông tin điện tử xã.

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND, ngày 15/01/2025 về tuyên truyền CCHC xã Thanh Định năm 2025.

4. Việc thực hiện các nhiệm vụ được giao

UBND xã Thanh Định đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2025 về công tác cải cách hành chính năm 2025, trong 6 tháng đầu năm, UBND xã đã thực hiện được 04/5 nhiệm vụ trọng tâm thực hiện CCHC năm 2025.

Theo Quyết định số 439/QĐ-UBND, ngày 03/02/2025 của UBND huyện Định Hóa về việc phê duyệt, công bố kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính và đo lường mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của UBND cấp xã thuộc huyện Định Hóa năm 2024, Chỉ số cải cách hành chính xã Thanh Định năm 2024 thực hiện được 84/100 điểm, xếp hạng tốt. Về thứ hạng: xếp thứ 13/22 xã, thị trấn. Đối với kết quả đo lường sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với UBND cấp xã, xã Thanh Định đạt 91,06%, xếp thứ 7/22 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

Xây dựng và tham mưu ban hành văn bản QPPL: Thực hiện nghiêm quy trình xây dựng và ban hành văn bản theo quy định. Trong kỳ báo cáo, không có văn bản quy phạm pháp luật được ban hành tại cơ quan xã.

Rà soát văn bản QPPL: UBND xã giao cho Công chức Tư pháp tham mưu xây dựng kế hoạch rà soát văn bản QPPL do HĐND và UBND xã ban hành. Năm 2025, ngày 26/02/2025, UBND xã ban hành Kế hoạch số 33/KH- UBND về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

Về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn xã. UBND xã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 03/01/2025 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn xã

Thanh Định năm 2025.

Về tuyên truyền, phổ biến, GDPL: Ngày 13/01/2025, UBND xã ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND về công tác tư pháp năm 2025. Nội dung nhiệm vụ trọng tâm có phần công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở năm 2025. Về tuyên truyền nội dung này, UBND xã sẽ chỉ đạo chuyên môn ban hành kế hoạch thực hiện riêng, thời gian cụ thể sẽ có kế hoạch thực hiện sau.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC

UBND xã ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 31/01/2025 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 trên địa bàn xã Thanh Định, UBND xã xây dựng kế hoạch rà soát thực hiện trong năm 2025 là 06 thủ tục hành chính.. UBND xã đã thực hiện các TTHC đã đăng ký, Báo cáo số 48/BC-UBND ngày 15/04/2025 của UBND xã về báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2025; gửi về các phòng chuyên môn huyện theo quy định.

2.2. Việc công khai thủ tục hành chính

UBND xã đã ban hành Thông báo số 54/TB-UBND, ngày 02/6/2025 về thủ tục hành chính thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Thanh Định; thực hiện niêm yết công khai 127 thủ tục hành chính với 13 lĩnh vực, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Thanh Định, theo hệ thống tài liệu quản lý chất lượng Tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001:2015 và theo các văn bản công bố thủ tục hành chính của UBND tỉnh Thái Nguyên; số lượng TTHC thuộc ngành dọc Quân sự 14 TTHC...

UBND xã đã thực hiện nghiêm túc việc công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định. Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã đã niêm yết công khai trên bảng niêm yết.

2.3. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa: 06 máy tính có kết nối mạng Internet, 06 máy in, 01 máy photocopy, 01 hòm thư góp ý, 04 tủ tài liệu và bàn ghế làm việc, tiếp công dân, 02 máy in đa năng trắng đen, 01 máy scan, 01 màn hình quan sát (TV 49”), và một hệ thống camera giám sát. Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND xã thực hiện nghiêm túc, đúng quy định các nhiệm vụ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

2.4. Kết quả thực hiện số hoá hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: UBND xã thực hiện số hoá kết quả giải quyết TTHC là 1.054/1.052 hồ sơ đạt 99,81%.

2.5. Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC

- Tổ chức thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC phục vụ tổ chức, cá nhân theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại đơn vị theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP. Kết quả Trong 6 tháng đầu năm 2025, Bộ phận tiếp nhận đã tiếp nhận là 1.060 hồ sơ, trong đó:

- + Số mới tiếp nhận trực tuyến: 1.056 hồ sơ.
- + Số hồ sơ mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc qua DV bưu chính) là: 0 hồ sơ.
- + Số hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua là: 04 hồ sơ
- Số hồ sơ đã giải quyết là: 1.057 hồ sơ, trong đó:
- + Số hồ sơ giải quyết trước hạn là: 220 hồ sơ
- + Số hồ sơ giải quyết đúng hạn là: 836 hồ sơ
- + Số hồ sơ giải quyết quá hạn là: 01 hồ sơ
- Số hồ sơ đang được giải quyết là: 03 hồ sơ, trong đó:
- + Số hồ sơ chưa đến hạn là: 03 hồ sơ;
- + Số hồ sơ quá hạn là: 0 hồ sơ.

2.6. Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị

Địa chỉ, số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị; số điện thoại Trưởng bộ phận Một cửa cấp xã được niêm yết công khai tại Bộ phận Một cửa cấp xã.

Địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (địa chỉ website: <http://nguoidan.chinhphu.vn> và <http://doanhnghiep.chinhphu.vn>) theo hướng dẫn tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính đều được niêm yết công khai tại Bộ phận Một cửa cấp xã, Trang thông tin điện tử của xã theo quy định.

Thực hiện thông báo công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/quipakn>, cơ quan Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên, địa chỉ liên hệ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Số điện thoại chuyên dùng: 02083.854636; Số fax: 02083.855385. Địa chỉ thư điện tử: kstthc.ubnd@thainguyen.gov.vn.

Biểu mẫu hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị được niêm yết công khai tại Bộ phận Một cửa cấp xã, Trang thông tin điện tử của xã theo quy định.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, UBND xã không có phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Tình hình thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã: UBND xã đã thực hiện đảm bảo, đúng theo quy định. Trong kỳ báo cáo, UBND xã đã đề nghị nâng lương trước thời hạn cho 02 cán bộ, công chức; đề nghị nâng bậc lương thường xuyên 05 công chức.

- Thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ không chuyên trách ở xã, ở xóm, theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố; số lượng, mức phụ cấp, mức hỗ trợ, mức chi bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND huyện Định Hóa phê duyệt số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn huyện Định Hóa hưởng phụ cấp theo Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên. Tại thời điểm báo cáo, tổng số người hoạt động không chuyên trách, cấp xã là 16 chức danh (Trong đó, người hoạt động không chuyên trách là 12 chức danh, Hội đặc thù 04 chức danh; số người hoạt động không chuyên trách cấp xóm có 27 người/09 xóm .

- Các giải pháp, biện pháp nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước: Không có.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tại thời điểm báo cáo: Biên chế hiện nay được cấp có thẩm quyền giao là 19 cán bộ, công chức, hiện nay xã Thanh Định có 10 cán bộ và 09 công chức. Việc sử dụng và yêu cầu biên chế thực tế đảm bảo đủ 100%.

- Về trình độ chuyên môn, năng lực của CBCC:

+ Đối với cán bộ: hiện nay 09/10 cán bộ có trình độ chuyên môn đại học, 01 cán bộ có trình độ trung cấp. 10/10 cán bộ có trình độ lý luận chính trị trung cấp, quản lý nhà nước có 10/10 cán bộ.

+ Đối với công chức: Hiện nay 8/9 công chức có trình độ chuyên môn đại học, 01 công chức có trình độ chuyên môn trung cấp; năng lực của công chức xã

đáp ứng được yêu cầu công tác. Có 8/9 công chức có trình độ lý luận chính trị, 9/9 công chức có quản lý nhà nước.

- Việc thực hiện các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh: 100% cán bộ của xã gồm các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND đạt chuẩn quy định; 100% công chức đạt chuẩn quy định.

5. Cải cách tài chính công

- Việc thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

- Việc quản lý và điều hành ngân sách tiếp tục được đổi mới. UBND xã tiếp tục thực hiện quản lý và sử dụng kinh phí theo quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Ngay từ đầu năm, UBND xã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 tại Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 24/01/2024. Thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước tại Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 và phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước tại Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 22/01/2024...

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

UBND xã ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 31/01/2025 về chuyển đổi số xã Thanh Định năm 2025.

Việc tạo lập hồ sơ công việc điện tử, giao nộp tài liệu hồ sơ lưu trữ điện tử: Về ứng dụng quản lý văn bản và điều hành được duy trì và thực hiện tốt, tỷ lệ văn bản điện tử thực hiện trao đổi qua môi trường mạng đạt 100%, UBND xã chỉ đạo cán bộ, công chức thực hiện lưu trữ tài liệu điện tử trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

Trang thiết bị: 100% cán bộ, công chức cơ quan có máy tính để thực hiện nhiệm vụ; tại bộ phận một cửa trang bị 02 máy scan, 05 máy tính để bàn, 06 máy in, 01 máy photocopy... cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Hệ thống camera giám sát được kết nối với cơ quan UBND huyện Định Hóa.

7. Thực hiện đánh giá bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022: Tổng điểm đạt 94,4/100 điểm xếp loại tốt, trong đó: Công khai, minh bạch: 17,4/18 điểm, đạt 97%; Tiến độ, kết quả giải quyết: 19,2/20 điểm, đạt 86%; Số hóa hồ sơ: 21,8/22 điểm, đạt 99%; Cung cấp dịch vụ trực tuyến 10/12 điểm, đạt 145,8%; Mức độ hài lòng: 18/18 điểm, đạt 100%, thanh toán trực tuyến 10/10 điểm. (Chi tiết tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html>)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Được sự lãnh đạo của BTV Đảng uỷ, điều hành của UBND và sự giám sát của Thường trực HĐND công tác cải cách hành chính được tổ chức thực hiện đầy đủ và nghiêm túc.

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, công chức thuộc các bộ phận chuyên môn theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao. Cán bộ, công chức ý thức rõ trách nhiệm công việc, tổ chức kỷ luật cao.

2. Những tồn tại, hạn chế

Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết TTHC hiệu quả chưa cao, vì khả năng tiếp cận thông tin, phương tiện máy móc ứng dụng công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế. Mặt khác người dân vẫn quen với hình thức giao dịch trực tiếp tại bộ phận một cửa để giải quyết TTHC đảm bảo nhanh gọn, rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định.

Công tác hiện đại hóa nền hành chính, đặc biệt là đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ việc giải quyết TTHC còn thiếu, do vậy ảnh hưởng nhất định đến chất lượng, hiệu quả trong công tác CCHC.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM

1. Công tác chỉ đạo, điều hành: Tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã theo hướng dẫn của cấp trên

2. Cải cách thể chế: Thực hiện rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL

3. Cải cách thủ tục hành chính: Thực hiện đúng quy trình một cửa, một cửa liên thông, tiếp tục chỉ đạo cán bộ, công chức tại bộ phận Một cửa hướng dẫn tổ chức, công dân thực hiện giải quyết TTHC theo quy định trên trang Cổng dịch vụ công tỉnh Thái Nguyên tại địa chỉ: <https://dvc.thainguyen.gov.vn/>.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: Bố trí cán bộ, công chức phù hợp với từng vị trí việc làm.

5. Cải cách chế độ công vụ: Tăng cường công tác kiểm soát TTHC; kịp thời công khai các TTHC do UBND tỉnh Thái Nguyên công bố và bãi bỏ các TTHC hết hiệu lực; nâng cao trách nhiệm trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

6. Cải cách tài chính công: Thực hiện có hiệu quả việc quản lý sử dụng kinh phí trong các hoạt động của cơ quan đảm bảo chi đúng, chi đủ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

7. Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử: Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

8. Công tác kiểm tra, tuyên truyền: Tăng cường các hoạt động tuyên truyền về cải cách hành chính, tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật đến toàn thể nhân dân trên địa bàn xã được biết.

Trên đây là Báo cáo công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2025; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- T.Tr. Đảng ủy;
- T.Tr HĐND;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Bộ phận Một cửa xã;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Phùng Văn Đăng

PHỤ LỤC
BÁO CÁO CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 15/6/2024 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Định)

STT	Các chỉ tiêu (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC			
1.1.	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	80	
Trong đó	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	5	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	4	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.2.1.	Tỷ lệ phòng chuyên môn, đơn vị thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện đã kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%		
1.2.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%		
1.2.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%		
Trong đó	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND huyện, UBND huyện giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0	0	
		Phát phiếu = 1		
		Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
2.	Cải cách thể chế		0	
2.1.	Số VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện đã ban hành (cấp xã)	Văn bản		

2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	-	-	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Tỷ lệ xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát	%		
Trong đó	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
	Số VBQPPL đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới thuộc thẩm quyền	Thủ tục		
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục		
Trong đó	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	127	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công (DVC)			
3.2.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
Trong đó	Tổng số TTHC đủ điều kiện	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
3.2.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
Trong đó	Tổng số TTHC đủ điều kiện	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
3.2.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%		
Trong đó	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4	Thủ tục		
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai	Thủ tục		
3.2.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%		

Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	1.060	
	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	1.056	
3.2.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
Trong đó	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	Thủ tục		
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	Thủ tục		
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.3.4.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.3.5.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1.057	
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	836	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
4.1.5.	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện đã cắt giảm so với năm 2015	%		
Trong đó	Tổng số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	Đơn vị		
	Số đơn vị sự nghiệp tại thời điểm báo cáo	Đơn vị		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			

4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
5.3.	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển.	Người		
5.4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).	Người		
Trong đó	Số lãnh đạo UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		

	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSN bị kỷ luật.	Người		
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
Trong đó	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
	Đã thực hiện	Triệu đồng		
6.2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
6.2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
6.2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
6.2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
Trong đó	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
6.2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		

7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.5.1.	Tỷ lệ thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp huyện đến cấp xã	%		
7.5.2.	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn dưới dạng điện tử	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%		
	Tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.6.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.6.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.6.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		